

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC MIỀN BẮC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(đã được kiểm toán)



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Bắc (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Bắc chính thức hoạt động theo Giấy đăng ký doanh nghiệp số 0104546308 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 22/03/2010, thay đổi lần thứ 8 ngày 20/05/2019.

Trụ sở chính của Công ty tại: 187B, Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hà Sỹ Chuẩn	Chủ tịch
Ông Dương Đình Thọ	Thành viên
Ông Phạm Xuân Thương	Thành viên
Bà Bùi Thị Thu Lan	Thành viên
Ông Nguyễn Châu Giang	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Dương Đình Thọ	Tổng Giám đốc	
Ông Dương Xuân Mộc	Phó Tổng giám đốc	(Bỏ nhiệm ngày 16/01/2023)
Ông Nguyễn Châu Giang	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 01/07/2022)
Bà Bùi Thị Thu Lan	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 16/01/2023)
Bà Ngô Phương Anh	Phó Tổng Giám đốc	

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thu Huyền	Trưởng ban
Bà Lê Thu Hương	Kiểm soát viên
Bà Lê Hồng Phương	Kiểm soát viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;



Số:230323.003/BCTC.KT5

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Bắc**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Bắc được lập ngày 23 tháng 03 năm 2023, từ trang 05 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Bắc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Bắc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Phạm Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0777-2023-002-1
Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2023

Nguyễn Duy Quảng
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3363-2020-002-1

T:(84) 24 3824 1990 | F:(84) 24 3825 3973 | 1 Le Phung Hieu, Hanoi, Vietnam



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022


Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		107.234.248.223	73.405.271.182
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	16.416.362.208	18.912.545.126
111	1. Tiền		16.416.362.208	18.912.545.126
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	63.220.000	63.220.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh		63.220.000	63.220.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		73.599.469.900	41.905.011.013
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	77.283.545.057	41.892.932.111
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	1.733.490.785	3.371.277.460
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	154.800.000	136.280.000
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(5.572.365.942)	(3.495.478.558)
140	IV. Hàng tồn kho	9	15.784.771.174	11.733.972.288
141	1. Hàng tồn kho		19.632.786.508	18.701.799.751
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(3.848.015.334)	(6.967.827.463)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.370.424.941	790.522.755
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	1.370.424.941	790.522.755
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		29.401.220.124	31.526.488.547
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		50.000.000	2.079.085.881
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	50.000.000	6.813.619.602
219	2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		-	(4.734.533.721)
220	II. Tài sản cố định		27.815.152.120	27.902.280.438
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	7.508.485.446	7.546.724.872
222	- Nguyên giá		19.645.041.635	17.753.543.584
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(12.136.556.189)	(10.206.818.712)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	20.306.666.674	20.355.555.566
228	- Nguyên giá		20.460.000.000	20.460.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(153.333.326)	(104.444.434)
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	4	1.212.500.000	1.212.500.000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.212.500.000	1.212.500.000
260	IV. Tài sản dài hạn khác		323.568.004	332.622.228
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	323.568.004	332.622.228
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		136.635.468.347	104.931.759.729




BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		43.560.577.368	23.514.248.457
310	I. Nợ ngắn hạn		43.560.577.368	23.514.248.457
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	23.432.449.466	6.514.608.705
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	98.348.245	669.626.355
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	2.389.649.284	2.739.741.160
314	4. Phải trả người lao động		14.547.395.834	12.342.649.544
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	172.372.348	190.118.812
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	597.213.039	444.610.279
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.323.149.152	612.893.602
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		93.074.890.979	81.417.511.272
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	93.074.890.979	81.417.511.272
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		50.000.000.000	50.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		50.000.000.000	50.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		17.442.198.210	11.901.089.513
420	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		3.344.332.153	2.555.681.532
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		22.288.360.616	16.960.740.227
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		1.187.727.804	1.187.727.804
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		21.100.632.812	15.773.012.423
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		136.635.468.347	104.931.759.729


Phạm Thị Chung
Người lập biểu


Bùi Thị Thu
Trưởng phòng kế toán






Dương Đình Thọ
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	700.761.665.915	603.344.937.078
10	2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		700.761.665.915	603.344.937.078
11	3. Giá vốn hàng bán	20	604.022.478.585	524.562.552.281
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		96.739.187.330	78.782.384.797
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	1.026.607.279	1.674.212.303
22	6. Chi phí tài chính	22	105.510.917	200.603.553
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	64.738.254
25	7. Chi phí bán hàng	23	46.077.580.074	37.246.564.367
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	25.494.031.196	22.687.374.705
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		26.088.672.422	20.322.054.475
31	10. Thu nhập khác	25	7.905.100.000	216.744.741
32	11. Chi phí khác	26	8.349.600.424	225.577.912
40	12. Lợi nhuận khác		(444.500.424)	(8.833.171)
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		25.644.171.998	20.313.221.304
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27	4.543.539.186	4.540.208.881
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>21.100.632.812</u>	<u>15.773.012.423</u>
70	16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	3.165	2.524


Phạm Thị Chung
Người lập biểu



Bùi Thị Thu
Trưởng phòng kế toán



Dương Đình Thọ
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Năm 2022
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		25.644.171.998	20.313.221.304
	2. Điều chỉnh cho các khoản		(5.117.284.954)	6.168.070.061
02	- Khấu hao tài sản cố định và Bất động sản đầu tư		1.978.626.369	2.519.363.107
03	- Các khoản dự phòng		(5.777.458.466)	3.826.100.322
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.318.452.857)	(242.131.622)
06	- Chi phí lãi vay		-	64.738.254
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		20.526.887.044	26.481.291.365
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(33.771.346.271)	(8.735.849.408)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(930.986.757)	465.878.845
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả		20.244.411.072	4.842.649.426
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(570.847.962)	159.232.780
14	- Tiền lãi vay đã trả		-	(64.738.254)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(6.454.537.813)	(3.840.039.512)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		16.000.000	50.000.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.248.997.555)	(2.222.111.110)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(3.189.418.242)	17.136.314.132
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(1.891.498.051)	-
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		7.905.100.000	100.000.000
26	3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	22.500.000
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		179.633.375	138.381.622
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		6.193.235.324	260.881.622
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(5.500.000.000)	(5.000.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(5.500.000.000)	(5.000.000.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(2.496.182.918)	12.397.195.754
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		18.912.545.126	6.515.349.372
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>16.416.362.208</u>	<u>18.912.545.126</u>


Phạm Thị Chung
Người lập biểu


Bùi Thị Thu
Trưởng phòng kế toán


Dương Đình Thọ
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2022

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Bắc (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 315/QĐ-TCNS ngày 16/03/2010 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam nhằm mục đích hoàn thiện hệ thống kênh phân phối sách giáo khoa của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 0104546308 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 22/03/2010. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 8 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 20/05/2019.

Công ty đã thực hiện đăng ký và chính thức giao dịch cổ phiếu phổ thông trên sàn UPCOM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày 21/08/2017 với mã chứng khoán là NBE.

Trụ sở chính của Công ty tại: 187B, Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 50.000.000.000 VND (Năm mươi tỷ đồng chẵn).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 61 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 57 người).

Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, kinh doanh thương mại và dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh

- Phát hành sách giáo khoa và các sản phẩm giáo dục, báo chí, văn phòng phẩm,...
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- In ấn và các dịch vụ liên quan đến in ấn;
- Sao chép băng ghi các loại (trừ loại Nhà nước cấm);
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Năm học 2022-2023 là năm học thứ ba thực hiện thay đổi chương trình giáo dục phổ thông theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018, cũng là năm học đầu tiên bộ Sách giáo khoa lớp 3, lớp 7 và lớp 10 được đưa vào giảng dạy. Để nắm bắt cơ hội và phục vụ tốt nhu cầu của thị trường, công ty đã tăng cường việc tuyên truyền, giới thiệu, tập huấn, hướng dẫn sử dụng sách mới. Các nguyên nhân chủ yếu nêu trên dẫn đến sản lượng phát hành sách của Công ty tăng mạnh đồng thời các chi phí bán hàng như chi phí tập huấn giới thiệu sách và chi phí quản lý doanh nghiệp cũng tăng tương ứng so với năm trước.

2 CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.4 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

2.5 Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được

tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.7 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	50 năm
- Phương tiện vận tải	06 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 năm
- Tài sản cố định khác	04 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm
- Quyền sử dụng đất lâu dài	Không trích khấu hao

Trong kỳ, công ty áp dụng khấu hao nhanh (với mức khấu hao không vượt quá 2 lần so với phương pháp khấu hao đường thẳng) đối với phương tiện vận tải, thiết bị dụng cụ quản lý và tài sản cố định khác để nhanh chóng thu hồi vốn.

2.8 Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Khi đưa tiền, tài sản đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được ghi nhận là nợ phải thu. Trong quá trình thực hiện hoạt động BCC, BCC được giao cho đối tác hạch toán toàn bộ doanh thu, chi phí, thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước và phân chia lợi nhuận sau thuế theo tỷ lệ quy định trong hợp đồng BCC.

2.9 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ và không được khấu trừ được hạch toán riêng; trường hợp không hạch toán riêng được thì thuế đầu vào được khấu trừ tính theo tỷ lệ (%) giữa doanh thu chịu thuế GTGT và tổng doanh thu. Đối với thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ, Công ty thực hiện phân bổ vào giá vốn hàng bán dựa theo tỷ lệ hàng tồn kho còn tồn cuối kỳ.
- Phí bản thảo, phí quản lý xuất bản được ghi nhận căn cứ theo hóa đơn tài chính của nhà xuất bản và được phân bổ vào giá thành căn cứ vào số lượng sách in nhập kho trong kỳ.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 12 đến 18 tháng.

2.10 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.11 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.13 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.14 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

2.15 Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác... Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

2.17 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

2.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.19 Thông tin bộ phận

Do hoạt động chủ yếu của công ty là phân phối sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm và thực hiện các dịch vụ liên quan đến in ấn, địa bàn hoạt động chủ yếu là khu vực Miền Bắc nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 TIỀN

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Tiền mặt	470.355.720	948.652.032
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	15.946.006.488	17.963.893.094
	<u><u>16.416.362.208</u></u>	<u><u>18.912.545.126</u></u>

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Chứng khoán kinh doanh

	Mã CK	31/12/2022			01/01/2022		
		Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
		VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị cổ phiếu		63.220.000	140.160.000	-	63.220.000	158.080.000	-
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Hà Nội (i)	EID	63.220.000	140.160.000	-	63.220.000	158.080.000	-
		63.220.000	140.160.000	-	63.220.000	158.080.000	-

(i) Cổ phiếu của Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Hà Nội đang được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX). Giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định theo giá đóng cửa tại ngày 31/12/2021 và 31/12/2022 trên sàn HNX.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Mã CK	31/12/2022		01/01/2022	
		Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
		VND	VND	VND	VND
Các khoản đầu tư khác		1.212.500.000	-	1.212.500.000	-
- Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	EPH	1.212.500.000	-	1.212.500.000	-
		1.212.500.000	-	1.212.500.000	-

Đầu tư vào đơn vị khác

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	Hà Nội	4,85%	4,85%	Tổ chức biên soạn, biên tập, in, chế bản sách

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

5 PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>	428.539.211	-	174.596.910	-
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP Đà Nẵng	121.541.270	-	92.774.910	-
Công ty Cổ Phần Sách giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	144.419.000	-	81.822.000	-
Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông	162.578.941	-	-	-
<i>Bên khác</i>	76.855.005.846	(5.557.276.792)	41.718.335.201	(3.480.389.408)
Công nợ tại cửa hàng 187B Giảng Võ và 18/30 Tạ Quang Bửu (i)	3.013.888.150	(3.013.888.150)	3.013.888.150	(3.013.888.150)
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Nghệ An	11.192.699.726	-	13.259.728.405	-
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Yên Bái	9.309.474.760	-	8.764.086.244	-
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Sơn La	4.411.802.377	(2.077.159.519)	4.154.319.037	-
Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Thanh Hoa	18.209.155.110	-	-	-
Công ty cổ phần Sách và Thiết bị trường học Thanh Hóa	7.322.434.830	-	-	-
Khách hàng khác	23.395.550.893	(466.229.123)	12.526.313.365	(466.501.258)
	<u>77.283.545.057</u>	<u>(5.557.276.792)</u>	<u>41.892.932.111</u>	<u>(3.480.389.408)</u>

(i) Nợ phải thu tiền bán sách và thiết bị giáo dục, văn phòng phẩm tại 2 cửa hàng 187B Giảng Võ và 18/30 Tạ Quang Bửu từ năm 2017 trở về trước nhưng chưa được nộp về Công ty. Công ty đã thành lập tổ công tác để rà soát lại số liệu và xác định trách nhiệm đối với những cá nhân có liên quan trong giai đoạn này. Theo Báo cáo kết quả làm việc số 02/TCT-STBMB của Tổ công tác ngày 12/05/2018 mặc dù đồng ý và ký trên các biên bản xác minh số liệu chi tiết nhưng kế toán cửa hàng không đồng ý ký xác nhận số liệu tổng hợp lại từ các biên bản chi tiết này. Tại ngày 31/12/2022, Công ty đã trích dự phòng với toàn bộ số nợ phải thu nói trên.

6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Bên khác	1.733.490.785	(15.089.150)	3.371.277.460	(15.089.150)
Nhà máy in Bộ Quốc Phòng	1.617.054.600	-	1.453.949.478	-
Công ty CP Sản xuất và Thương mại P.P	-	-	1.500.000.000	-
Nhà cung cấp khác	116.436.185	(15.089.150)	417.327.982	(15.089.150)
	1.733.490.785	(15.089.150)	3.371.277.460	(15.089.150)

7 PHẢI THU KHÁC

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về tiền tạm ứng	154.800.000	-	136.280.000	-
	154.800.000	-	136.280.000	-
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	50.000.000	-	50.000.000	-
Phải thu khác	-	-	6.763.619.602	(4.734.533.721)
- Góp vốn hợp tác kinh doanh (i)	-	-	6.763.619.602	(4.734.533.721)
	50.000.000	-	6.813.619.602	(4.734.533.721)

(i) Đây là khoản góp vốn của Công ty theo Hợp đồng số 47/2010/HĐGV ngày 15/07/2010 cùng với Công ty CP In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội và một số đơn vị khác thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam để thực hiện dự án mở rộng mặt bằng sản xuất (làm kho, xưởng sản xuất) tại xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội theo hình thức tài sản đồng kiểm soát. Dự án đã được cấp Giấy chứng nhận đầu tư và được thuê đất, ký hợp đồng thuê đất và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 7.662 m². Tuy nhiên, do nhiều lý do khách quan Giấy chứng nhận đầu tư của Dự án được UBND Thành phố Hà Nội cấp đã hết hạn từ năm 2016. Vì thế, để triển khai dự án, các bên phải thực hiện các thủ tục để xin gia hạn Giấy chứng nhận đầu tư và Giấy phép xây dựng.

Ngày 04/05/2020, Dự án được UBND Thành phố Hà Nội gia hạn thời gian thuê đất 24 tháng để thực hiện dự án theo Quyết định số 1786/QĐ-UBND kể từ ngày ký quyết định gia hạn (04/05/2020). Công ty đã làm việc với các Sở ban ngành với đầu mối chủ trì là Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội để thực hiện thủ tục gia hạn thời gian thực hiện dự án đầu tư. Sau các ý kiến tham gia của các Sở ban ngành, ngày 18/11/2020 Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội đã ban hành báo cáo thẩm định số 730/BC-KHĐT thẩm định việc đề nghị điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án gửi UBND Thành phố. Trong đó Sở Kế hoạch và Đầu tư đã kiến nghị UBND Thành phố chấp thuận phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án theo đề nghị của Nhà đầu tư, theo đó điều chỉnh thời gian khởi công và hoàn thành dự án từ 2020-2022 thay vì 2013-2016 như trước đây.

Ngày 07/12/2020, UBND Thành phố Hà Nội có văn bản chỉ đạo số 10816/VP-KT trong đó giao lại Sở Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu kỹ ý kiến tham gia của UBND Huyện Đông Anh, Sở Tài nguyên Môi trường để làm rõ nguyên nhân chủ quan khách quan dự án chậm tiến độ, trách nhiệm và cam kết của Nhà đầu tư; rà soát lại nội dung thẩm định sự phù hợp về Quy hoạch của dự án; Kiểm tra lại nội dung đề xuất thời gian hoàn thành dự án (Quý 2/2022) đảm bảo phù hợp với thời hạn gia hạn sử dụng đất, nghiên cứu đánh giá lại hiệu quả đầu tư cho phù hợp với lộ trình chuyển đổi mục đích sử dụng của dự án; tham mưu báo cáo UBND Thành phố theo đúng quy định pháp luật. Ngày 27/01/2021, UBND huyện Đông Anh có văn bản số 235/UBND-TCKH đưa ra ý kiến về việc dự án chậm tiến độ, Nhà đầu tư không tuân thủ các quy định của pháp luật về lĩnh vực kế hoạch và đầu

tư, chức năng của dự án chưa phù hợp với Quy hoạch phân khu đô thị. Ngày 01/3/2021, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố có văn bản số 816/KH&ĐT-NNS, theo đó, đề xuất Công ty CP In sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội nghiên cứu các quy định của Luật đầu tư 2020 và ý kiến của UBND huyện Đông Anh để lập hồ sơ đề xuất chấp thuận điều chỉnh chủ trương dự án theo quy định.

Theo Nghị quyết số 01/NQ-HĐQT ngày 21/01/2022 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Bắc thông qua chủ trương đồng ý chuyển nhượng lại toàn bộ phần vốn góp của Công ty hiện đang đầu tư tại Dự án mở rộng mặt bằng sản xuất kho tại Đông Anh, Hà Nội. Ngày 14/04/2022, Công ty đã ký hợp đồng chuyển nhượng vốn số 0504/2022/HDCNV/NBE-VSM để chuyển nhượng số vốn góp của mình tại dự án trên cho Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại và dịch vụ VSM. Tại ngày 31/12/2022, Công ty đã hoàn thành thủ tục chuyển nhượng với giá chuyển nhượng là 7.905.100.000 VND (xem thêm tại Thuyết minh 25).

8 NỢ XẤU

Các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công nợ tại cửa hàng 187B Giảng Võ và 18/30 Tạ Quang Bửu	3.013.888.150	-	3.013.888.150	-
Vốn góp hợp tác kinh doanh	-	-	6.763.619.602	2.029.085.881
Công ty Cổ phần Quốc Tế Việt Kim Long	132.931.595	-	132.931.595	-
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Lai Châu	546.418.996	213.121.468	667.139.325	333.569.662
Công ty CP Sách và TBTH Sơn La	4.411.802.377	2.334.642.858	-	-
Các khoản khác	15.089.150	-	15.089.150	-
	8.120.130.268	2.547.764.326	10.592.667.822	2.362.655.543

9 HÀNG TỒN KHO

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.381.264.507	-	1.372.148.219	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	124.792.364	-	227.676.020	-
Thành phẩm	5.605.647.878	(1.771.724.606)	7.048.497.906	(3.515.129.472)
Hàng hoá	12.521.081.759	(2.076.290.728)	10.053.477.606	(3.452.697.991)
	19.632.786.508	(3.848.015.334)	18.701.799.751	(6.967.827.463)

Tại ngày 31/12/2022, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho lượng hàng tồn kho có giá gốc 3.848.015.334 VND là các loại sách và thiết bị tồn đọng, kém, mất phẩm chất khó có khả năng tiêu thụ.

10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Thuế GTGT chờ kết chuyển	416.146.661	491.048.420
Chi phí tổ chức bản thảo, phí quản lý xuất bản	590.904.734	175.471.000
Chi phí sửa chữa văn phòng Công ty	363.373.546	124.003.335
	<u>1.370.424.941</u>	<u>790.522.755</u>
b) Dài hạn		
Chi phí hoàn thiện văn phòng	323.568.004	332.622.228
	<u>323.568.004</u>	<u>332.622.228</u>



11 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	5.036.417.444	10.652.021.229	887.692.957	1.177.411.954	17.753.543.584
- Mua trong kỳ	-	1.278.231.837	-	613.266.214	1.891.498.051
Số dư cuối kỳ	5.036.417.444	11.930.253.066	887.692.957	1.790.678.168	19.645.041.635
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	1.264.095.929	6.889.455.996	875.854.833	1.177.411.954	10.206.818.712
- Khấu hao trong kỳ	446.391.672	1.331.388.733	11.838.124	140.118.948	1.929.737.477
Số dư cuối kỳ	1.710.487.601	8.220.844.729	887.692.957	1.317.530.902	12.136.556.189
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	3.772.321.515	3.762.565.233	11.838.124	-	7.546.724.872
Tại ngày cuối kỳ	3.325.929.843	3.709.408.337	-	473.147.266	7.508.485.446

Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 8.300.161.470 VNĐ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 6.750.517.702 VNĐ).

Trong kỳ, Công ty áp dụng khấu hao nhanh (với mức khấu hao không vượt quá 2 lần so với phương pháp khấu hao đường thẳng) đối với phương tiện vận tải, truyền dẫn, thiết bị dụng cụ quản lý và tài sản cố định khác. Khấu hao theo phương pháp này cao hơn so với khấu hao theo phương pháp đường thẳng là 257.186.598 VNĐ.

12 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	20.300.000.000	160.000.000	20.460.000.000
Số dư cuối kỳ	20.300.000.000	160.000.000	20.460.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	-	104.444.434	104.444.434
- Khấu hao trong kỳ	-	48.888.892	48.888.892
Số dư cuối kỳ	-	153.333.326	153.333.326
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	20.300.000.000	55.555.566	20.355.555.566
Tại ngày cuối kỳ	20.300.000.000	6.666.674	20.306.666.674

(*) Quyền sử dụng đất là giá trị quyền sử dụng 02 lô đất tại Khu đô thị Văn Khê, Quận Hà Đông được Công ty mua để làm trụ sở, có thời gian sử dụng lâu dài nên Công ty không trích khấu hao.

13 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	22.833.126.782	22.833.126.782	6.016.862.795	6.016.862.795
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Hà Nội	22.689.736.117	22.689.736.117	5.241.831.628	5.241.831.628
Công ty CP Sách và Thiết Bị Trường học TP Hồ Chí Minh	-	-	775.031.167	775.031.167
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư và Phát Triển Giáo Dục Hà Nội	143.390.665	143.390.665	-	-
Bên khác	599.322.684	599.322.684	497.745.910	497.745.910
Công ty TNHH AloCorp	495.000.002	495.000.002	-	-
Nhà cung cấp khác	104.322.682	104.322.682	497.745.910	497.745.910
	23.432.449.466	23.432.449.466	6.514.608.705	6.514.608.705

14 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Bên liên quan	-	17.889.638
Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông	-	17.889.638
Bên khác	98.348.245	651.736.717
Công ty cổ phần sách và thiết bị trường học Hà Tây	34.050.473	27.244.722
Khách hàng khác	64.297.772	624.491.995
	98.348.245	669.626.355

16 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Phí tổ chức bản thảo	172.372.348	190.118.812
	<u>172.372.348</u>	<u>190.118.812</u>

17 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	101.811.330	91.339.675
Các khoản phải trả, phải nộp khác	495.401.709	353.270.604
- Hoa hồng môi giới	-	162.074.700
- Phải trả khác	495.401.709	191.195.904
	<u>597.213.039</u>	<u>444.610.279</u>

18 VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn CSH	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	50.000.000.000	9.208.310.062	2.042.829.569	11.444.767.071	72.695.906.702
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	15.773.012.423	15.773.012.423
Chia cổ tức	-	-	-	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
Trích lập các quỹ	-	2.692.779.451	512.851.963	(3.205.631.414)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(2.051.407.853)	(2.051.407.853)
Số dư cuối kỳ trước	50.000.000.000	11.901.089.513	2.555.681.532	16.960.740.227	81.417.511.272
Số dư đầu kỳ này	50.000.000.000	11.901.089.513	2.555.681.532	16.960.740.227	81.417.511.272
Lãi trong kỳ này	-	-	-	21.100.632.812	21.100.632.812
Chia cổ tức	-	-	-	(5.500.000.000)	(5.500.000.000)
Trích lập các quỹ	-	5.541.108.697	788.650.621	(6.329.759.318)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(3.943.253.105)	(3.943.253.105)
Số dư cuối kỳ này	50.000.000.000	17.442.198.210	3.344.332.153	22.288.360.616	93.074.890.979

Theo nghị quyết số 05/NQ-ĐHCHĐ ngày 07 tháng 04 năm 2022 thông qua phương án phân phối lợi nhuận của năm 2021 như sau

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế		15.773.012.423
Trích quỹ bổ sung vốn điều lệ	5,00%	788.650.621
Trích quỹ khen thưởng cán bộ công nhân viên	10,00%	1.577.301.242
Trích quỹ phúc lợi	10,00%	1.577.301.242
Trích quỹ khen thưởng ban điều hành	5,00%	788.650.621
Trích Quỹ Đầu tư phát triển sản xuất	35,13%	5.541.108.697
Chi trả cổ tức	34,87%	5.500.000.000
<i>(Tương ứng mỗi cổ phần nhận 1.100 VND)</i>		
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối còn lại		-

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2022 VND	Tỷ lệ %	01/01/2022 VND	Tỷ lệ %
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	23.000.000.000	46,00	23.000.000.000	46,00
Các cổ đông khác	27.000.000.000	54,00	27.000.000.000	54,00
	50.000.000.000	100%	50.000.000.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	50.000.000.000	50.000.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	50.000.000.000	50.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong kỳ	5.500.000.000	5.000.000.000
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	5.500.000.000	5.000.000.000
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận kỳ này</i>	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền trong kỳ	5.500.000.000	5.000.000.000
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	5.500.000.000	5.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ	-	-

d) Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.000.000	5.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	5.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.000.000	5.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ Cổ phiếu

e) Các quỹ của công ty

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
- Quỹ đầu tư phát triển	17.442.198.210	11.901.089.513
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	3.344.332.153	2.555.681.532
	20.786.530.363	14.456.771.045

19 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	652.804.472.481	553.565.066.251
Doanh thu bán thành phẩm	46.902.284.342	48.724.961.735
Doanh thu khác	1.054.909.092	1.054.909.092
	700.761.665.915	603.344.937.078
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 31)	31.253.787.264	12.941.068.488

20 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	579.793.853.182	496.058.932.659
Giá vốn của thành phẩm đã bán	26.593.790.508	26.284.211.520
Giá vốn khác	754.647.024	754.647.024
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.119.812.129)	1.464.761.078
	604.022.478.585	524.562.552.281
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan Tổng giá trị mua vào: (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 31)	582.038.356.497	492.340.004.229

21 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	50.063.375	9.451.622
Lãi bán các khoản đầu tư	-	3.750.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	129.570.000	128.930.000
Chiết khấu thanh toán, thu tiền phạt chậm thanh toán	846.973.904	1.532.080.681
	1.026.607.279	1.674.212.303
Trong đó: Doanh thu tài chính từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 31)	129.570.000	128.930.000

22 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền vay	-	64.738.254
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	105.510.917	428.077.799
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	-	(292.212.500)
	105.510.917	200.603.553

23 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	11.660.898	6.709.313
Chi phí nhân công	18.821.976.154	15.414.975.089
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	644.998.008	1.342.167.383
Chi phí khấu hao tài sản cố định	381.479.837	315.279.970
Thuế, phí và lệ phí	384.323.733	324.619.365
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.502.694.278	7.434.117.166
Chi phí khác bằng tiền	17.330.447.166	12.408.696.081
	46.077.580.074	37.246.564.367

24 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nhân công	11.055.454.464	8.516.301.411
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	496.038.041	401.707.562
Chi phí khấu hao tài sản cố định	842.499.508	1.449.436.113
Thuế, phí và lệ phí	223.824.435	180.159.305
Chi phí/Hoàn nhập dự phòng	(2.657.646.337)	2.653.551.744
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.924.470.569	2.411.142.551
Chi phí khác bằng tiền	10.609.390.516	7.075.076.019
	25.494.031.196	22.687.374.705

25 THU NHẬP KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	100.000.000
Thu nhập từ chuyển nhượng phần vốn hợp tác kinh doanh	7.905.100.000	-
Thu nhập khác	-	116.744.741
	7.905.100.000	216.744.741

26 CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Các khoản bị phạt	1.580.409.978	98.759.730
Giá phí chuyển nhượng khoản vốn góp hợp tác kinh doanh	6.766.280.518	-
Các khoản khác	2.909.928	126.818.182
	8.349.600.424	225.577.912

27 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	25.644.171.998	20.313.221.304
Các khoản điều chỉnh tăng	2.523.890.331	2.501.298.557
- Chi phí dự phòng khoản hợp tác kinh doanh	-	1.453.725.141
- Các khoản tiền phạt	1.580.409.978	98.759.730
- Khấu hao xe ô tô nguyên giá vượt 1,6 tỷ VND	487.980.353	666.313.686
- Thủ lao HĐQT và BKS không trực tiếp điều hành và các chi phí không được trừ khác	455.500.000	282.500.000
Các khoản điều chỉnh giảm	(5.450.366.400)	(128.930.000)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(129.570.000)	(128.930.000)
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã loại trừ năm trước	(586.262.679)	-
- Hoàn nhập dự phòng khoản hợp tác kinh doanh	(4.734.533.721)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	22.717.695.929	22.685.589.861
Chi phí thuế TNDN hiện hành (Thuế suất 20%)	4.543.539.186	4.537.117.972
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các kỳ trước vào thuế TNDN phải nộp kỳ này	1.217.419.841	3.090.909
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	2.237.117.972	1.536.948.603
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(6.454.537.813)	(3.840.039.512)
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	1.543.539.186	2.237.117.972

28 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	21.100.632.812	15.773.012.423
Các khoản điều chỉnh :		
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng ban điều hành (i)	5.275.158.203	3.154.602.485
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	15.825.474.609	12.618.409.938
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	5.000.000	5.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.165	2.524

(i) Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng ban điều hành năm 2022 đang được tạm trích Theo Nghị quyết số 05/NQ-ĐHCGĐ ngày 07 tháng 04 năm 2022 của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Bắc với dự kiến trích tổng tỷ lệ 25% Lợi nhuận sau thuế.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

29 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.234.545.987	6.254.093.063
Chi phí nhân công	29.877.430.618	23.931.276.500
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	1.141.036.049	1.743.874.945
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.978.626.369	2.519.363.107
Thuế, phí và lệ phí	608.148.168	504.778.670
Chi phí/Hoàn nhập dự phòng	(2.657.646.337)	2.653.551.744
Chi phí dịch vụ mua ngoài	34.198.943.295	31.405.991.425
Chi phí khác bằng tiền	26.993.230.969	19.483.772.100
	97.374.315.118	88.496.701.554

30 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính này.

31 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển giáo dục Phương Nam	Công ty liên kết của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông	Công ty liên kết của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Công ty Cổ Phần sách và Thiết Bị Giáo Dục Cửu Long	Công ty con của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Công ty Cổ Phần Sách và Thiết Bị Giáo dục Miền Nam	Công ty con của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Đơn vị phụ thuộc của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	Công ty liên kết của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển giáo dục Đà Nẵng	Công ty liên kết của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Phát Triển Giáo Dục Hà Nội	Công ty liên kết của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Công ty liên kết của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Công ty Cổ phần Sách và Thiết Bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty con của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển trường phổ thông Công nghệ giáo dục	Công ty con của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Công ty Cổ phần Dịch vụ xuất bản giáo dục tại Đà Nẵng	Công ty liên kết của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Công ty Cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	Công ty liên kết của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Công ty Cổ Phần Sách và Thiết Bị Giáo dục Miền Trung	Công ty con của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

Bên liên quan

Mối quan hệ

Công ty Cổ phần Tập đoàn ECI	Công ty liên kết của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Công ty Cổ phần Sách Đại học - Dạy nghề	Công ty liên kết của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Công ty Cổ phần Sách Dân tộc	Công ty liên kết của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Công ty Cổ phần sách giáo dục tại Thành phố Hà Nội	Công ty liên kết của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ với các bên liên quan như sau:

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	31.253.787.264	12.941.068.488
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển giáo dục Phương Nam	26.678.520	-
Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông	1.358.274.567	2.649.714.138
Công ty Cổ phần sách và Thiết Bị Giáo Dục Cửu Long	267.017.425	84.741.927
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	1.406.098.272	1.054.909.092
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	1.373.907.370	92.774.910
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển giáo dục Đà Nẵng	13.600.482	2.881.000
Công ty Cổ phần Đầu Tư và Phát Triển Giáo Dục Hà Nội	4.630.860.016	6.675.527.665
Công ty Cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	211.401.656	396.148.800
Công ty Cổ Phần Sách và Thiết Bị Giáo dục Miền Nam	642.907.680	36.474.600
Công ty Cổ Phần Sách và Thiết Bị Giáo dục Miền Trung	17.496.000	93.702.050
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	21.305.545.276	1.852.132.591
Công ty Cổ phần Sách và Thiết Bị Trường học TP Hồ Chí Minh	-	2.061.715
Mua hàng hóa dịch vụ	582.038.356.497	492.340.004.229
Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông	166.572.540	94.066.145
Công ty Cổ Phần sách và Thiết Bị Giáo Dục Cửu Long	78.831.189	23.728.320
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	79.530.982	239.084.909
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	52.366.100	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển giáo dục Đà Nẵng	283.174.040	-
Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Phát Triển Giáo Dục Hà Nội	17.351.067.646	6.737.567.139
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển giáo dục Phương Nam	108.867.000	686.604.625
Công ty Cổ phần Sách và Thiết Bị Trường học TP Hồ Chí Minh	62.812.228	7.109.459.913
Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển trường phổ thông Công nghệ giáo dục	9.067.500	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	6.840.943.627	4.928.809.103
Công ty Cổ Phần Sách và Thiết Bị Giáo dục Miền Nam	257.655.761	4.720.177.790
Công ty Cổ Phần Sách và Thiết Bị Giáo dục Miền Trung	80.895.670	543.016.140
Công ty Cổ phần Tập đoàn ECI	21.516.267	48.448.668
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	548.959.356.642	458.547.030.237
Công ty Cổ phần Sách Đại học - Dạy nghề	1.972.804.560	3.191.437.910
Công ty Cổ phần Sách Dân tộc	378.032.443	126.185.344
Công ty Cổ phần sách giáo dục tại Thành phố Hà Nội	842.682.500	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	3.880.080.000	4.480.749.500
Công ty Cổ phần Dịch vụ xuất bản giáo dục tại Đà Nẵng	612.099.802	863.638.486

Doanh thu tài chính	272.068.173	1.532.080.681
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	272.068.173	1.532.080.681
Cổ tức, lợi nhuận được chia	129.570.000	128.930.000
Công ty Cổ phần đầu tư và Phát triển giáo dục Hà Nội	8.320.000	7.680.000
Công ty Cổ phần dịch vụ xuất bản giáo dục	121.250.000	121.250.000

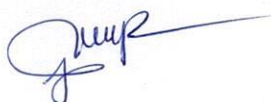
Thù lao, tiền lương và các khoản thu nhập khác của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc, Ban kiểm soát như sau:


	<u>Chức vụ</u>	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
		VND	VND
Ông Hà Sĩ Chuẩn	Chủ tịch HĐQT	286.000.000	193.000.000
Ông Dương Đình Thọ	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc	991.810.000	962.699.660
Ông Phạm Xuân Thương	Thành viên HĐQT	81.000.000	60.000.000
Bà Bùi Thị Thu Lan	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc	807.015.050	776.972.000
Ông Nguyễn Châu Giang	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/07/2022)	312.531.155	648.998.500
Bà Ngô Phương Anh	Phó Tổng giám đốc	556.754.155	419.423.000
Bà Nguyễn Thị Thu Huyền	Trưởng Ban kiểm soát	44.500.000	43.500.000
Bà Lê Thu Hương	Thành viên Ban kiểm soát	404.371.280	393.949.380
Bà Lê Hồng Phương	Thành viên Ban kiểm soát	335.028.405	328.830.500

Ngoài các giao dịch và số dư với các bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không có giao dịch và số dư phát sinh trong kỳ.


32 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.


Phạm Thị Chung
Người lập biểu


Bùi Thị Thu
Trưởng phòng kế toán




Dương Đình Thọ
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2023

